NGHỊ ĐỊNH THƯ
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA
VỀ VIỆC SỬA ĐỔI HIỆP ĐỊNH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi tắt là "hai Bên ký kết");

Hai Bên ký kết, thông qua hiệp thương hữu nghị, đã thống nhất sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994 (dưới đây gọi tắt là "Hiệp định") như sau:

Điều 1. Điều 1 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"1. Hai Bên ký kết đồng ý tiến hành vận chuyển hàng hóa và hành khách (kể cả khách du lịch) qua lại giữa hai nước theo đường bộ qua các cửa khẩu biên giới đã được mở và được hai Bên thỏa thuận.

Việc vận chuyển này do các doanh nghiệp vận tải của hai nước được phép thành lập theo pháp luật của nước mình và thực hiện bằng phương tiện vận tải đường bộ đã được đăng ký tại Việt Nam hay Trung Quốc.

2. Hai Bên ký kết đồng ý cho phép xe công vụ của hai nước được hoạt động qua lại giữa hai nước theo đường bộ qua các cửa khẩu biên giới đã được mở và được hai Bên thỏa thuận".

Điều 2. Khoản 1 Điều 2 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"1. Cơ quan quản lý có thẩm quyền:

Phía Việt Nam là Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan quản lý được Bộ ủy quyền.

Phía Trung Quốc là Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và cơ quan được Bộ ủy quyền".

Điều 3. Điều 3 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"Việc vận chuyển quy định tại Điều 1 của Hiệp định này bao gồm cả vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa định kỳ cũng như không định kỳ giữa hai nước. Những doanh nghiệp của hai nước có khả năng vận chuyển đường bộ quốc tế, trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, cùng với đối tác của Bên ký kết kia khai thác, kinh doanh vận tải theo phương thức chạy suốt từ điểm đến điểm. Các vấn đề cụ thể như hình thức tổ chức vận tải, tuyến đường, cước phí v.v. trước khi thực hiện phải được cơ quan có thẩm quyền của hai bên chấp thuận".

Điều 4. Khoản 1 Điều 5 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"1. Phương tiện vận tải đường bộ khi vận chuyển hàng hóa, hành khách (kể cả khách du lịch) và xe công vụ của Bên ký kết này khi hoạt động trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phải tuân thủ pháp luật và quy định về vận tải đường bộ của nước đó".

Điều 5. Khoản 1 Điều 9 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"1. Người lái xe vận chuyển hàng hóa, hành khách (kể cả khách du lịch) và xe công vụ qua lại giữa hai nước phải có giấy phép lái xe quốc gia phù hợp với loại xe mà mình đang sử dụng theo đúng giấy chứng nhận đăng ký xe của nước mình".

Điều 6. Điều 13 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"Doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan quản lý xe công vụ phải mua bảo hiểm bắt buộc với người thứ 3 đối với phương tiện vận tải đường bộ vận chuyển hàng hóa, hành khách và xe công vụ theo Hiệp định này".

Điều 7. Điều 14 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"Các thủ tục về kiểm tra biên phòng, hải quan, kiểm dịch được tiến hành theo các hiệp định song phương hoặc điều ước đa phương mà hai Bên ký kết tham gia".

Điều 8. Điều 15 của Hiệp định được sửa đổi thành:

"Phương tiện vận tải đường bộ chở người bệnh nặng, già yếu, tàn tật, động vật và hàng mau hỏng, chở khách theo tuyến được ưu tiên làm các thủ tục kiểm tra biên phòng, hải quan, kiểm dịch".

Điều 9. Nghị định thư này là một bộ phận không thể tách rời của Hiệp định.

Điều 10. Hai Bên ký kết phải thông báo cho nhau việc đã hoàn thành thủ tục phê duyệt của mỗi nước để Nghị định thư này có hiệu lực. Nghị định thư này có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng. Thời hạn có hiệu lực của Nghị định thư tương tự như thời hạn có hiệu lực của Hiệp định.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được ủy quyền hợp pháp của mỗi Bên ký kết, đã ký Nghị định thư này.

Ký tại Bắc Kinh ngày 11 tháng 10 năm 2011 thành 02 (hai) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, các văn bản có giá trị pháp lý như nhau./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ** **NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA**
ĐINH LA THĂNG	LÝ THỊNH LÂM
Bộ trưởng Giao thông vận tải	Bộ trưởng Giao thông vận tải

越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府关于修改《越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府汽车运输协定》的议定书

越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府（以下简称“缔约双方”），经过友好协商，就修改 1994 年 11 月 22 日签订的《越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府汽车运输协定》（以下简称“协定”），达成协议如下：

第一条

协定第一条修改为：

一、缔约双方同意，两国间汽车旅客（含游客）运输和货物运输通过两国商定的相互开放的边境口岸和公路进行。由在越南或中国登记注册的车辆和根据本国法律获准从事两国间汽车运输的企业承担。

二、缔约双方同意，允许两国公务车辆通过两国商定的相互开放的边境口岸和公路行驶。

第二条

协定第二条第一款第一项修改为：

“主管机关”：

越南方面：指越南社会主义共和国交通运输部及其授权的单位。

中国方面：指中华人民共和国交通运输部及其授权的单位。

第三条

协定第三条修改为：

本协定第一条中所述的运输，包括两国间定期、不定期旅客运输和货物运输。由双方具有国际道路运输资质的企业在平等互利的基础上，与对方开展点到点的直达运输。具体的运输组织形式、路线、运费等有关事宜，由双方的主管机关商定后执行。

第四条

协定第五条第一款修改为：

缔约一方从事两国间客（ 含游客 ）、货运输的车辆和公务车辆在缔约另一方领土上运行时必须遵守该国国内的有关汽车运输的法律和规定。

第五条

协定第九条第一款修改为：

从事旅客（ 含游客 ）运输、货物运输和驾驶公务车辆的汽车驾驶员，应具有与其驾驶的车辆类别相符的本国驾驶证以及本国车辆登记证件。

第六条

协定第十三条修改为：

本协定所指的客货运输车辆和公务车辆，运输企业和公务车辆所属单位应提前为其办理第三者责任强制保险。

第七条

协定第十四条修改为：

边防检查、海关、检验检疫，按缔约双方参加的多边条约或双方协定执行。

第八条

协定第十五条修改为：

对运输老弱病残人员、装运动物和易腐货物的车辆及客运班车，边防检查、海关以及检验检疫部门应予以优先查验。

第九条

本议定书是协定不可分割的组成部分。

第十条

缔约双方应相互通知已完成使本议定书生效的各自国内法律程序，本议定书自后一份通知收到之日起生效。本议定书有效期与协定相同。

经缔约双方各自授权，下列代表签署本议定书，以昭信守。

本议定书于二〇一一年十月十一日在北京签订。一式两份，每份均用中文和越南文两种文字写成，两种文本同等作准。



越南社会主义共和国政府

代表

ĐINH LA THĂNG

Bộ trưởng Giao thông vận tải



中华人民共和国政府

代表

LÝ THỊNH LÂM

Bộ trưởng Giao thông vận tải